MẪU RÀ SOÁT, PHÂN LOẠI HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH....., MÃ SỐ....
CHUYÊN NGÀNH.....

(Ban hành theo Quyết định số .....-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày .... của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

1 tín chỉ = 15 giờ tín chỉ.

1 giờ tín chỉ lý thuyết = 1 tiết lý thuyết (50 phút).

1 giờ tín chỉ thực hành = 2 tiết thực hành.

1 giờ tín chỉ tự học bắt buộc = 3 tiết tự học bắt buộc và được kiểm tra đánh giá (có minh chứng về nhiệm vụ học tập giao cho sinh viên và kết quả kiểm tra, đánh giá của giảng viên).

Tùy thuộc yêu cầu của chương trình đào tạo, một học phần có thể là:

- *Học phần lý thuyết*: 1 tín chỉ = 15 tiết lý thuyết (bao gồm cả thảo luận, thực hiện bài tập theo nhóm, thuyết trình của sinh viên...) và được thực hiện tại phòng học.

- *Học phần thực hành*: 1 tín chỉ = 30 tiết (trừ các học phần thực tế, kiến tập, thực tập, tác phẩm tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp). Học phần thực hành được thực hiện tại phòng thực hành chuyên biệt (ví dụ học phần Tin học ứng dụng).

- *Học phần lý thuyết kết hợp thực hành*: xác định rõ số tiết lý thuyết (học tại phòng học lý thuyết), số tiết thực hành (sử dụng phòng học thực hành), số tiết thực hành ngoài thực địa (không sử dụng phòng học lý thuyết, không sử dụng phòng học thực hành).

- *Học phần lý thuyết kết hợp tự học*: xác định rõ số tiết lý thuyết (học tại phòng học lý thuyết), số tiết tự học bắt buộc, có hướng dẫn, có kiểm tra đánh giá (không sử dụng phòng học lý thuyết, phòng học thực hành).

- *Học phần thực hành kết hợp tự học*: xác định rõ số tiết thực hành (học tại phòng học thực hành), số tiết thực hành ngoài thực địa (không sử dụng phòng học thực hành), số tiết tự học (không sử dụng phòng học lý thuyết, phòng học thực hành).

- *Học phần kết hợp lý thuyết, thực hành và tự học*: xác định rõ số tiết lý thuyết (sử dụng phòng học lý thuyết), số tiết thực hành (sử dụng phòng học thực hành), số tiết tự học (không sử dụng phòng học lý thuyết, phòng học thực hành).

Với các học phần có giờ tín chỉ lý thuyết, có thể dành tối đa 30% tổng số giờ tín chỉ thực hiện theo hình thức trực tuyến.

Dưới đây là mẫu và ví dụ minh họa xác định loại học phần và phân bổ số tiết theo từng loại học phần.

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Loại học phần, phân bổ số tiết (đơn vị tính là số tiết)																	
								LT		TH		LT + TH				LT + tự học			TH + tự học			LT + TH + tự h			
				Tổng	Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	LT trực tiếp	LT trực tuyến	TH tại phòng TH	TH tại thực địa	LT trực tiếp	LT trực tuyến	TH tại phòng TH	TH tại thực địa	LT trực tiếp	LT trực tuyến	Tự học	TH tại phòng TH	TH tại thực địa	Tự học	LT trực tiếp	LT trực tuyến	TH tại phòng TH	T t th c
1	Triết học Mác-Lênin	TM01012	3	45	45			35	10																
2	Triết học Mác-Lênin	TM01012	3	45	35		10									20	15	30							
3	Tin học ứng dụng	ĐC01015	3	45		45				90															
4	Tin học ứng dụng	ĐC01015	3	45		40	5												80		15				
5	Tác phẩm báo mạng điện tử	PT03807	5	75	30	45						10	20	90											
6	Tác phẩm báo mạng điện tử	PT03807	5	75	30	45						20	10	30	60										
7	Tác phẩm báo mạng điện tử	PT03807	5	75	30	30	15															15	15	30	3
8																									

MẪU RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích luỹ được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tá phẩ
1	Triết học Mác – Lênin																
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin																
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học																
4	…..																